

BẢO VỆ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ, BÍ MẬT GIA ĐÌNH, BÍ MẬT CÁ NHÂN DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LUẬT CÔNG

LÊ THỊ THU MAI *
NGUYỄN THUỖ TRANG **

Tóm tắt: Pháp luật công đóng vai trò quan trọng trong việc xác định giới hạn cần thiết phải có sự can thiệp của Nhà nước trong việc đảm bảo trật tự chung và quyền con người, đặc biệt đối với các quyền nhân thân dễ bị xâm phạm như đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân. Bài viết phân tích vai trò và quy định pháp luật công trong việc bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc nhận diện và bảo đảm các quyền này.

Từ khoá: Quyền về đời sống riêng tư; bí mật gia đình; bí mật cá nhân; pháp luật công

Nhận bài: 26/3/2024

Hoàn thành biên tập: 26/4/2024

Duyệt đăng: 26/4/2024

THE PROTECTION OF THE RIGHT TO A PRIVATE LIFE, FAMILY SECRETS, AND PERSONAL SECRETS FROM A PUBLIC LAW PERSPECTIVE

Abstract: Public law plays a vital role in determining the boundaries and limits when the State's intervention is required in maintaining public order and human rights, especially personal rights that can be easily violated, such as the right to a private life, family secrets, and personal secrets. This article analyses the role and provisions of public law in protecting the right to a private life, family secrets, and personal secrets, as well as makes recommendations for improving the law in terms of identifying and ensuring the aforementioned rights.

Keywords: Right to privacy; family secrets; confidential information; public law

Received: 26 March 2024; Editing completed: 26 April 2024; Accepted for publication: 26 April 2024

1. Vai trò của pháp luật công

Cùng với hệ thống pháp luật tư, pháp luật công đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi và bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân thể hiện trên một số phương diện:

Đảm bảo bình đẳng xã hội: Sự tôn trọng các giá trị của bản thân phải song hành với

tôn trọng giá trị và đời sống riêng tư của người khác. Pháp luật công cùng với các chế tài có tính cưỡng chế từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền góp phần vào việc bảo vệ và bảo đảm quyền con người, đặc biệt là các chủ thể yếu thế.

Bảo vệ quyền con người: Thông qua hệ thống pháp luật, nhà nước thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ gìn an ninh, an toàn xã hội thoát khỏi các mối đe dọa về đói nghèo, bệnh tật, tội phạm, sự đàn áp, sự xâm phạm

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
E-mail: lethumaiips@gmail.com

** Tiến sĩ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội
E-mail: trang.nguyenthuyishn@gmail.com

đến các quyền nhân thân và quyền tài sản trong đời sống hằng ngày tại gia đình, công việc, trong cộng đồng... Cùng với việc quy định các hành vi vi phạm, chế tài và phương thức xử lý đối với một số hành vi vi phạm quyền nhân thân, trong đó có đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân, pháp luật công đảm bảo tính răn đe và bảo vệ các quyền trên ở góc độ quyền lực nhà nước. Điều này góp phần đáng kể vào việc nâng cao ý thức tự giác chấp hành, tuân thủ pháp luật của người dân trong việc bảo vệ, tự bảo vệ và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền nhân thân khi bị chủ thể khác xâm phạm.

Kiểm soát quyền lực nhà nước: Hệ thống pháp luật với bộ máy quyền lực nhà nước có vai trò kiểm soát, cưỡng chế và buộc những người có chức vụ, quyền hạn hoạt động trong khuôn khổ của hiến pháp và pháp luật. Bằng cách đó, pháp luật là phương tiện quan trọng hàng đầu trong việc phòng, chống sự tha hóa của quyền lực nhà nước, bảo đảm cho việc thực thi quyền lực nhà nước và quyền công dân. Trong thời đại công nghệ, việc xâm phạm quyền đời sống riêng tư không còn là vấn đề đơn lẻ mà đã trở thành chủ đề nóng, đòi hỏi sự quan tâm đúng mức của toàn xã hội và nhà nước. Quy định về bảo vệ các quyền riêng tư được đề cập trong nhiều ngành luật, từ hình sự, hành chính, an ninh mạng, giao dịch điện tử, báo chí,... cho thấy độ phủ sóng của các ngành luật liên quan đến các quyền này được cả luật tư và luật công điều chỉnh. Điều đó góp phần nâng cao nhận thức của mỗi cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ quyền riêng tư.

2. Bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân trong một số ngành luật công

2.1. Nhận diện quy định pháp luật công về bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân

- Pháp luật công

Các luật gia La Mã cổ đại đã phân chia toàn bộ hệ thống pháp luật thành hai lĩnh vực: luật công (jus publicum) và luật tư hay luật dân sự (jus privatum hay jus civile). Tác giả Iupian đưa ra nhận định luật công là những gì liên quan đến địa vị của nhà nước La Mã, luật tư là luật liên quan tới quyền lợi của từng cá nhân riêng biệt. Như vậy, Iupian đã nhìn thấy tiêu chí phân biệt hai lĩnh vực này chính là sự khác biệt giữa các nhóm lợi ích được điều chỉnh. Từ đó đến nay, sự phân chia này đã thực sự trở thành yếu tố không thể tách rời của khoa học pháp lý và là cơ sở cốt yếu cho việc phân định các hiện tượng pháp lý cả về lý luận và thực tiễn¹.

Từ phân tích trên, có thể hiểu luật tư (tiếng Đức: *Privatrecht*, tiếng Pháp: *Droit privé*), hay còn gọi là tư pháp, thuộc hệ thống dân luật, luật liên quan đến quan hệ hoặc lợi ích giữa các cá nhân, pháp nhân được xác lập dựa trên sự bình đẳng, tự nguyện, tự thỏa thuận. Luật công (*Öffentlichen Recht*) (bao gồm cả luật hình sự), liên quan đến đến lợi ích của nhà nước và lợi ích công cộng hoặc quan hệ có tính thứ bậc (không bình đẳng) giữa nhà nước và công dân². Nói tổng quát,

¹ Nguyễn Thị Quế Anh (2009), “Luật dân sự trong hệ thống Luật công - Luật tư”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội - Luật học*, số 25, tr. 218 - 223.

² Nguyễn Minh Tuấn (2012), “Phân định ranh giới giữa luật công và luật tư ở Đức: Lịch sử, tranh luận

luật tư liên quan đến quan hệ giữa các cá nhân hoặc cá nhân và nhà nước trong quan hệ bình đẳng, còn luật công liên quan tới quan hệ giữa nhà nước (có tính quyền lực) và công dân, pháp nhân. Tính quyền lực nhà nước là yếu tố quan trọng phân biệt quan hệ pháp luật thuộc điều chỉnh của ngành luật công hay luật tư. Trường hợp nhà nước tham gia các giao dịch dân sự (không mang tính quyền lực) thì sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật tư.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Hiến pháp là đạo luật có hiệu lực cao nhất, chi phối đến việc xây dựng các bộ luật, luật chuyên ngành (bao gồm các ngành luật công và luật tư)³.

Pháp luật công với sự tham gia của một bên chủ thể mang quyền lực nhà nước, bao gồm các ngành luật hành chính, tổ tụng hành chính, hình sự, tổ tụng hình sự. Riêng đối với pháp luật khiếu nại (đối tượng khiếu nại là quyết định hành chính, hành vi hành chính), tố cáo (đối tượng tố cáo là các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức,...), chủ thể bị khiếu nại, tố cáo sẽ chịu trách nhiệm hành chính hoặc hình sự căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi vi phạm (nếu có).

Hành vi vi phạm một số ngành luật chuyên ngành như dân sự, an ninh mạng, trẻ em, khám chữa bệnh,... tùy từng mức độ có thể chịu trách nhiệm dân sự (pháp luật tư),

trách nhiệm hành chính hoặc hình sự (pháp luật công).

- *Khái niệm đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân*

Hiến pháp năm 2013 (Điều 21) và Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 38) có quy định quyền về “đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân” nhưng chưa đưa ra khái niệm, giải thích các thuật ngữ trên. Điều này đã dẫn đến sự thiếu thống nhất trong việc nhận thức về phạm vi quyền giữa luật tư và luật công.

Khoản 1 Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ hai nội dung: 1) Đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân là quyền bất khả xâm phạm của công dân; 2) Thông tin về các quyền trên được pháp luật bảo đảm an toàn. Điều này có nghĩa, cùng với quy định tại khoản 1 Điều 21 Hiến pháp năm 2013, Nhà nước đã khẳng định vai trò của mình trong việc đứng ra bảo đảm các quyền của công dân thông qua hệ thống pháp luật.

Việc bảo đảm đối với những quyền trên được thể hiện qua hệ thống pháp luật chuyên ngành, từ pháp luật dân sự đến hình sự, hành chính,... Trong quan hệ dân sự, hành vi xâm phạm đến quyền về đời sống riêng tư sẽ được giải quyết thông qua các phương thức giải quyết tranh chấp dân sự với yếu tố ưu tiên hàng đầu là hoà giải, tự thoả thuận. Trường hợp không thể giải quyết thông qua

và ý nghĩa thực tiễn”, *Tap chí Tia sáng*, <https://tia.sang.com.vn/dien-dan/phan-dinh-ranh-gioi-giua-luat-cong-va-luat-tu-o-duc-lich-su-tranh-luan-va-y-nghia-thuc-tien-6024/>, truy cập 22/4/2024.

³ Khoản 1 Điều 119 Hiến pháp năm 2013; khoản 1 Điều 3 Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

con đường thương lượng sẽ khởi kiện đến toà án. Chủ thể xâm phạm các quyền trên sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu gây ra thiệt hại. Tuy nhiên, khi các hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân mang tính chất, mức độ nghiêm trọng thì người gây thiệt hại không chỉ phải chịu trách nhiệm dân sự (trách nhiệm với các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự) mà có thể còn phải chịu trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm hình sự (trách nhiệm trước Nhà nước - chủ thể của ngành luật công).

Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có quy định về các tội phạm xâm phạm đến đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân mà chỉ quy định trách nhiệm hình sự đối với hai nhóm tội phạm cụ thể tại Điều 158 (Tội xâm phạm chỗ ở của người khác) và Điều 159 (Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác).

Để đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, khoản 1 Điều 158 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định các nhóm hành vi phạm tội bao gồm: 1) Khám xét trái phép; 2) Đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ; 3) Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lý hợp pháp vào chỗ ở của họ; 4) Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác. Khoản 2 Điều này quy định các tình tiết tăng nặng bao gồm: 1) Có tổ chức; 2) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; 3) Phạm tội 02 lần trở lên; 4) Làm người bị xâm phạm chỗ ở tự sát; 5) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Khoản 1 Điều 159 BLHS quy định về tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác, bao gồm các hành vi: 1) Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kì hình thức nào; 2) Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông; 3) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật; 4) Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật; 5) Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác. Khoản 2 Điều 159 quy định các tình tiết tăng nặng bao gồm: 1) Có tổ chức; 2) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; 3) Phạm tội 02 lần trở lên; 3) Tiết lộ các thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác; 4) Làm nạn nhân tự sát.

Theo khoản 1 Điều 158 BLHS, chỉ cần có một trong các hành vi theo quy định thì đã có cơ sở để xem xét tội phạm. Đối với khoản 1 Điều 159 BLHS, ngoài các hành vi theo quy định, còn phải đảm bảo đủ các điều kiện: 1) đã bị xử lí kỉ luật; hoặc 2) xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì mới có cơ sở để xem xét tội phạm.

Bên cạnh các quy định tại Điều 158, Điều 159 BLHS, còn có các tội phạm liên quan đến việc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác (các tội phạm này có thể có một số hành vi liên quan đến xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí

mật cá nhân) như tội làm nhục người khác (Điều 155), tội vu khống (Điều 156); tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 166), tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân (Điều 167).

Bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình phải gắn liền với đảm bảo thuần phong mỹ tục, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc phát tán và gửi các thông tin liên quan đến hình ảnh cá nhân, bí mật đời tư có dấu hiệu vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật cần phải được gửi đúng người, đúng đối tượng giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc phát tán các thông tin cá nhân (kể cả trong trường hợp hành vi của cá nhân đó có dấu hiệu sai phạm) tràn lan nhằm làm nhục và ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của họ với cộng đồng thì người phát tán các thông tin đó cũng sẽ có nguy cơ đối diện với hành vi phạm tội làm nhục người khác.

Tuy nhiên, pháp luật hình sự chỉ quy định các tội phạm liên quan đến xâm phạm chỗ ở, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Do vậy, các hành vi xâm phạm đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình không thuộc phạm vi trên sẽ không thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật hình sự, trừ trường hợp hành vi đó bao gồm dấu hiệu của các tội phạm khác. Ví dụ, chụp ảnh riêng tư của người khác nhằm bôi nhọ danh dự, làm nhục hoặc vu khống họ.

Mặc dù không có các tội danh cụ thể đối với hành vi xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân nhưng Điều 155

BLHS năm 2015 về tội làm nhục người khác đã có quy định: Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Tội danh này không liệt kê hành vi, do vậy có thể hiểu bất kì hành vi nào (bao gồm cả các hành vi xâm phạm đến đời sống riêng tư của cá nhân) nhằm gây ra các hậu quả nêu trên đều có thể xem xét theo tội danh làm nhục người khác.

Một tội danh khác trong pháp luật hình sự cũng có liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân nhưng lại ở chiều hướng đối lập (Điều 166 Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền được biểu tình của công dân). Quyền tiếp cận thông tin liệu có xung đột với quyền được bảo vệ về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình?

Để làm rõ nội dung này, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2018) quy định công dân được tiếp cận thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý. Người yêu cầu cung cấp thông tin phải lấy ý kiến đồng ý của chủ sở hữu thông tin, cá nhân, tổ chức có liên quan. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng,

sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Luật này.

Một vấn đề đang gây tranh luận hiện nay là việc bảo đảm quyền đối với hình ảnh, bí mật gia đình, bí mật cá nhân đối với những người nổi tiếng. Liệu có sự xung đột giữa quyền tự do báo chí đối với người của công chúng với quyền bảo vệ bí mật đời tư? Người nổi tiếng có quyền kiện một tờ báo nào đó vì đã đăng hình ảnh, thông tin cá nhân của họ mà không xin phép? Nếu xét trên phương diện quyền bình đẳng thì người nổi tiếng hay người bình thường đều được bảo vệ như nhau đối với quyền riêng tư. Tuy nhiên, sự nổi tiếng chính là một trong những sản phẩm của truyền thông. Thực tế, có không ít người tìm mọi cách để được báo chí chú ý, giới thiệu, PR, quảng bá sản phẩm, show diễn hoặc nhằm xây dựng hình ảnh. Tuy nhiên, khi báo chí đưa tin những mặt trái trong đời sống của họ thì họ lại tìm cách “kiện”, chưa kể một số người cố tình nổi tiếng bằng việc đưa những hình ảnh, clip không đúng chuẩn mực đạo đức, văn hóa để tạo sự chú ý của truyền thông và cộng đồng. Vậy việc đưa tin một chiều về đời sống người nổi tiếng có trái với tôn chỉ, mục đích của các cơ quan truyền thông? Phạm vi quyền riêng tư của người nổi tiếng cũng đã được trao đổi, bàn luận trên nhiều diễn đàn. Có quan điểm cho rằng, xã hội có quyền đòi hỏi cao hơn về cách ứng xử của những người nổi tiếng, vì người bình thường có hành vi xấu nơi công cộng thì sức lan tỏa không lớn như người nổi tiếng. Hoặc với các chính khách, họ có quyền riêng tư

theo quy định pháp luật nhưng quyền riêng tư đó phải phù hợp với trách nhiệm và đạo đức công vụ⁴. Do vậy, khi xét xử các vụ án liên quan đến quyền bí mật đời tư của người nổi tiếng, toà án nên cân nhắc đến mức độ nổi tiếng và sự ảnh hưởng của người này đối với truyền thông, sức ảnh hưởng và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội... để đặt ra ranh giới về “quyền bí mật riêng tư” và “quyền tự do báo chí”.

Việc xâm phạm đến đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự có thể bị truy cứu trách nhiệm hành chính. Điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về mức phạt đối với các vi phạm liên quan đến hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tôn giáo; thi đua khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê,... Điều 25 Luật này quy định về việc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Điều 8 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 (có hiệu lực từ ngày 01/12/2020) của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản có quy định về việc đăng, phát thông tin thuộc bí mật đời tư (điểm 1 khoản 3).

Luật Trẻ em có hiệu lực từ ngày 01/6/2017 có cách tiếp cận mới về quyền trẻ em, trong đó bao gồm nhiều quy định mới về

⁴ V.V. Thành, H. Điệp, Q. Thi, C. Khuê (2015), *Ứng xử với quyền riêng tư*, <https://tuoitre.vn/ung-xu-voi-quyen-rieng-tu-772617.htm>, truy cập 20/4/2024.

quyền và nghĩa vụ so với luật cũ như: cấm bạo lực đối với trẻ em; quyền trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và tham gia vào các vấn đề trẻ em; trách nhiệm cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bạo lực. Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022) của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em có quy định về quyền của trẻ em đối với các thông tin cá nhân (Điều 31). Trong thời đại kỹ thuật số, hành vi xâm phạm quyền riêng tư của cá nhân được thực hiện tinh vi, phổ biến và đa dạng hơn trên môi trường mạng. Khoản 1 Điều 29 Luật An ninh mạng năm 2018 quy định về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.

Đối với các hành vi vi phạm an ninh mạng, Điều 9 Luật An ninh mạng năm 2018 quy định người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỉ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Pháp luật công về bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân ngày càng hoàn thiện, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý vi phạm liên quan đến các giao dịch điện tử, không gian mạng. Việc phát tán các thông tin đời tư lên không gian mạng có mức độ ảnh hưởng lớn, phức tạp, tiềm ẩn những hậu quả khó lường. Do vậy, việc xây dựng hành lang pháp luật công hoàn chỉnh sẽ đảm bảo tính khả thi và hạn chế hành vi vi phạm.

2.2. Chế tài đối với hành vi xâm phạm quyền liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân trong pháp luật công

Thứ nhất, quy định về hình phạt trong pháp luật hình sự.

Theo quy định tại Điều 32 BLHS năm 2015, về hình phạt áp dụng với cá nhân, nhóm hình phạt chính bao gồm: cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình; nhóm hình phạt bổ sung bao gồm: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính. Nguyên tắc áp dụng hình phạt: Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

Về các hình phạt áp dụng đối với tội xâm phạm chỗ ở của người khác, khoản 1 Điều 158 BLHS năm 2015 quy định: Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Khoản 2 Điều 158 BLHS năm 2015 quy định hình phạt đối với các tình tiết tăng nặng: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Khoản 3 Điều 158 quy định về hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Các hình phạt áp dụng đối với tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác quy định tại

khoản 1 Điều 159 BLHS năm 2015: Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Khoản 2 Điều 159 BLHS năm 2015: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 9 BLHS năm 2015, các tội phạm quy định tại các điều 158, 159 BLHS năm 2015 thuộc nhóm tội phạm ít nghiêm trọng. Khoản 3 Điều 159 quy định về hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Các hình phạt áp dụng đối với tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân: Khoản 1 Điều 167 BLHS năm 2015 quy định “... đã bị xử lý kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”. Khoản 2 Điều 167 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Khoản 3 Điều 167 quy định về các hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 05 năm.

Thứ hai, quy định về các hình thức xử phạt trong vi phạm hành chính

Điều 21 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định các hình thức xử phạt: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền; c) Tước quyền sử

dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính); đ) Trục xuất. Hình thức xử phạt quy định tại điểm a và điểm b nêu trên chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính. Hình thức xử phạt quy định tại các điểm c, d và đ có thể được quy định là hình thức xử phạt bổ sung hoặc hình thức xử phạt chính. Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

Trên cơ sở các hình thức xử phạt nêu trên, đối với mỗi hành vi vi phạm sẽ có quy định về hình thức xử phạt cụ thể.

2.3. Trình tự, thủ tục giải quyết đối với hành vi xâm phạm

Thứ nhất, thủ tục giải quyết theo pháp luật khiếu nại, tố cáo

Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018, khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền nhân thân, cá nhân theo thủ tục quy định của Luật tố cáo báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kì cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; b) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực (khoản 1 Điều 2).

Việc giải quyết tố cáo phải tuân thủ đúng quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết, hình thức tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung tố cáo và theo các trình tự quy định tại Điều 28 Luật Tố cáo năm 2018, cụ thể: 1) Thụ lý tố cáo; 2) Xác minh nội dung tố cáo; 3) Kết luận nội dung tố cáo; 4) Xử lý kết luận nội dung tố cáo. Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 quy định về việc xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.

Đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật, cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại và yêu cầu giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Ví dụ, khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khám xét chỗ ở trái thẩm quyền, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định đó.

Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018, đối với việc tố cáo, chủ thể tố cáo phải là “*cá nhân*” (khoản 1 Điều 2) và “*người tố cáo phải kí tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo*” (khoản 1 Điều 23), “*người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật*” (điểm b khoản 1 Điều 29). Căn cứ quy định trên, chủ thể tố cáo có thể là người đủ năng lực hành vi dân sự hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự. Nếu người tố cáo không đủ năng lực hành vi dân sự, việc tố cáo có thể thực hiện thông qua chế định đại diện theo pháp luật. Đối với người đủ năng lực hành vi dân sự, người tố cáo phải trực tiếp kí tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo. Mặc dù pháp luật tố cáo không có quy định cụ thể về việc cấm ủy quyền nhưng từ các quy định trên có thể hiểu pháp

luật tố cáo không cho phép ủy quyền tố cáo. Đây là sự khác biệt với chế định đại diện theo ủy quyền trong pháp luật dân sự.

Thứ hai, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính

Chương III Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thủ tục xử phạt bao gồm: 1) Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính; 2) Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản; 3) Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính; 4) Lập biên bản vi phạm hành chính; 5) Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính; 6) Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt; 7) Giải trình; 8) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thứ ba, trình tự, thủ tục khám xét chỗ ở, thư tín, điện tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác

Pháp luật tố tụng hình sự đã cụ thể hoá trình tự, thủ tục và điều kiện khám xét chỗ ở, thư tín, điện tín, dữ liệu điện tử... của cá nhân, tổ chức. Việc khám xét, thu giữ các phương tiện trên phải do người có thẩm quyền thực hiện. Người bị khám xét có quyền yêu cầu người khám xét xuất trình toàn bộ các văn bản theo quy định, từ chối và tố cáo khi việc khám xét không đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Người thực hiện khám xét, thu giữ đồ vật cá nhân, thư tín, điện tín, dữ liệu điện tử trái quy định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nhằm thực thi các quy định pháp luật về quyền tiếp cận thông tin và bảo đảm bí mật đời tư, pháp luật tố tụng hình sự tiếp

tục khẳng định việc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân tại Điều 12 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015.

Đồng thời, nhằm đảm bảo an toàn cho người tố giác tội phạm, Điều 56 BLTTHS năm 2015 quy định: Cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm; cơ quan, tổ chức đã báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố có quyền: a) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giữ bí mật việc tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ, người thân thích của họ khi bị đe dọa; b) Được thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; c) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử cần phải tuân theo trình tự, thủ tục và có căn cứ theo quy định tại Điều 192. Điều 193 quy định về thẩm quyền ra lệnh khám xét. Điều 194 quy định về khám xét người. Điều 195 quy định về trình tự, thủ tục và điều kiện khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện. Điều 196 quy định về thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử. Điều 197 quy định về việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông. Điều 199 quy định về trách nhiệm bảo quản phương tiện, tài liệu,

đồ vật, dữ liệu điện tử, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ, tạm giữ hoặc bị niêm phong. Điều 200 quy định về trách nhiệm của người ra lệnh, người thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ: Người ra lệnh, người thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ trái pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỉ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

3. Một số kiến nghị, đề xuất hoàn thiện pháp luật

3.1. Xác định phạm vi quyền để xây dựng khái niệm về đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa đưa ra khái niệm cụ thể về đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân. Một số quy định cụ thể về thông tin có liên quan đến các quyền này chỉ được quy định trong một số văn bản quy phạm pháp luật như Luật Trẻ em (thông tin về điểm số, hình ảnh,...); Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân quy định về trách nhiệm của thầy thuốc trong việc giữ bí mật về những điều có liên quan đến bệnh tật hoặc đời tư mà mình được biết về người bệnh; Luật Luật sư quy định nghĩa vụ của luật sư phải bảo vệ bí mật các thông tin của khách hàng, Luật Giao dịch điện tử quy định chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử phải tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, một số quy định về bảo vệ bí mật đời tư, bí mật khách hàng hiện nay đang có xung đột với pháp luật hình sự. Ví dụ, nghĩa vụ của luật sư phải bảo vệ bí mật các thông tin về khách hàng

nhưng nếu những thông tin đó liên quan đến hành vi phạm tội chưa bị phát hiện thì luật sư sẽ có nguy cơ đứng trước tội danh “không tỏ giác tội phạm”⁵. Tuy nhiên, nếu tỏ giác khách hàng, luật sư có thể bị cáo buộc vi phạm đạo đức nghề nghiệp, phản bội niềm tin của khách hàng, dẫn đến việc khách hàng sẽ không tin tưởng, chia sẻ các thông tin của mình để luật sư có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi, bào chữa cho khách hàng. Do vậy, ranh giới giữa việc bảo vệ bí mật thông tin, bí mật đời tư và việc tiết lộ, cung cấp, tiếp cận thông tin cần được xác định cụ thể, vừa đảm bảo quyền của mỗi cá nhân, đồng thời đảm bảo trật tự an toàn xã hội, không bỏ lọt tội phạm nhưng cũng không ảnh hưởng đến chức danh nghề nghiệp của một số người làm công việc đặc thù như luật sư.

Muốn bảo vệ, cần phải nhận diện được các quyền trên, do vậy cần xác định phạm vi quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân trên các phương diện sau:

Đời sống riêng tư: Được hiểu là tất cả những thông tin (công khai và bí mật) và vấn đề khác liên quan đến cá nhân mỗi người, bao gồm thói quen, sở thích, mối quan hệ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, tài sản, công việc, chỗ ở... Đời sống riêng tư của mỗi người là bất khả xâm phạm, trừ phi được sự đồng ý của người đó, vì lợi ích cộng đồng, xã hội hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác.

⁵ Thu Hằng (2017), *Không tỏ giác tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, luật sư phải chịu trách nhiệm hình sự?*, <https://dangcongsan.vn/phap-luat/khong-to-giac-toi-pham-dac-biet-nghiem-trong-luat-su-phai-chiu-trach-nhiem-hinh-su-433942.html>, truy cập 20/4/2024.

Bí mật gia đình: Được hiểu là tất cả những thông tin chưa được công khai (gia cảnh, nơi ở, quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân...) trong gia đình (theo khái niệm về gia đình trong pháp luật hôn nhân và gia đình) và các thông tin về bí mật gia đình được giới hạn trong phạm vi ba đời. Nếu không giới hạn về phạm vi, việc xác định bí mật gia đình sẽ gặp nhiều khó khăn bởi liên quan đến các thế hệ tiếp nối.

Bí mật cá nhân: Được hiểu là tất cả các thông tin liên quan đến cá nhân chưa được công khai như thói quen, sở thích, công việc, tình trạng hôn nhân, sức khỏe, học tập, lí lịch, nhận dạng về nhân thân...

3.2. Bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân cần được quy định thống nhất từ Hiến pháp đến luật công và luật tư.

Thay vì chỉ quy định trong Hiến pháp và Bộ luật Dân sự như hiện nay, cần đưa các quy định về nhận diện và bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân trong pháp luật hình sự và pháp luật hành chính (ngành luật công). Có nghĩa, hành vi vi phạm các quyền trên ở mức độ nào sẽ có chế tài tương ứng ở từng ngành luật. Vì vậy, các tác giả đề xuất cần bổ sung quy định về “Tội xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân” trong BLHS theo hướng đối với các hành vi đã bị xử lí hành chính mà còn tái phạm, sẽ là một trong những căn cứ xử lí trách nhiệm hình sự. Đối với các hành vi vi phạm đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân thuộc trường hợp cụ thể đã có điều luật điều chỉnh thì sẽ xử lí theo điều luật đó.

3.3. Cần ban hành luật riêng về bảo vệ bí mật gia đình, bí mật cá nhân.

Trên cơ sở phân tích tại mục 3.1, đời sống riêng tư là khái niệm có nội hàm rộng hơn bí mật đời tư, bí mật cá nhân. Việc xâm phạm đời sống riêng tư có thể là hành vi can thiệp vào không gian sống và làm việc, thời gian nghỉ ngơi, thói quen, sở thích,... Vì vậy, tùy theo mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi và hậu quả, pháp luật có thể có những quy định cụ thể tương ứng với phạm vi đời sống riêng tư bị xâm phạm. Còn đối tượng của hành vi xâm phạm bí mật là “thông tin” mà việc tiết lộ thông tin đó có thể sẽ ảnh hưởng đến đời sống của người đó trên nhiều phương diện như công việc, các mối quan hệ, tâm lí, ...

Trong bối cảnh công nghệ thông tin, mạng xã hội phát triển như hiện nay, việc nhận diện và kiểm soát thông tin là một trong những vấn đề phức tạp, hành vi, hậu quả và mức độ nguy hiểm khó xác định. Liên quan đến các thông tin được hoặc không được tiết lộ, trên phương diện bí mật nhà nước, hiện nay đã có Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018. Nhằm định hướng việc tiếp cận thông tin, hiện nay đã có Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

Theo các tác giả, bên cạnh Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (là các thông tin được bảo vệ theo tiêu chí đặc thù) thì việc bảo vệ thông tin cá nhân cũng cần có luật riêng. Luật Tiếp cận thông tin quy định về các thông tin được quyền tiếp cận, vậy các thông tin không thuộc trường hợp trên sẽ là “bí mật”? Với cách suy luận trên, có thể nhận thấy sự chông chéo về ranh giới. Cụ thể, trong

số những thông tin được quyền tiếp cận, bao gồm cả thông tin “bí mật” nhưng vì lợi ích Nhà nước, cộng đồng,... chủ thể có thẩm quyền vẫn được quyền tiếp cận.

Vì vậy, các tác giả đề xuất cần ban hành Luật Bảo vệ bí mật gia đình, bí mật cá nhân, trong đó quy định những vấn đề cơ bản: khái niệm; danh mục các thông tin thuộc bí mật gia đình, bí mật cá nhân; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc khai thác, cung cấp, bảo vệ các thông tin trên và các điều khoản liên quan đến giải quyết tranh chấp, xử lí vi phạm...

Trong bối cảnh các thông tin cá nhân bị đánh cắp, lợi dụng tràn lan như hiện nay, việc ban hành luật riêng để nhận diện, kiểm soát sẽ góp phần vào việc nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và xác định các chế tài tương ứng với hành vi xâm phạm các quyền trên.

3.4. Pháp luật nên có hướng dẫn cụ thể hơn về “chỗ ở”

Xâm phạm chỗ ở là một trong những căn cứ để có thể bị khởi tố theo quy định của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể thế nào là “chỗ ở”. Điều này dẫn đến một số khó khăn khi xác định hành vi phạm tội. Ví dụ, một người sở hữu nhiều “nhà ở”, vậy hành vi chiếm giữ một trong những căn nhà đó có phải là hành vi xâm phạm bất hợp pháp “chỗ ở”? Hoặc với trường hợp thuê nhà, nếu bị người khác chiếm giữ, sử dụng trái phép, thì người thuê có quyền yêu cầu khởi tố tội xâm phạm chỗ ở? Ngoài ra, với những người không có nhà ở (vô gia

cư), họ sống tạm dưới gầm cầu hoặc bãi sông, dựng lán ở đó, sau đó bị những người khác chiếm mất “chỗ ở” hoặc bị cán bộ dân phố yêu cầu di dời. Mặc dù “chỗ ở” của họ là bất hợp pháp nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Hiến pháp năm 2013 “công dân có quyền có nơi ở hợp pháp”. Nếu không lo được chỗ ở cho người vô gia cư mà lại yêu cầu họ rời đi thì cán bộ dân phố liệu có vi phạm Hiến pháp?

Từ những bất cập trên, pháp luật nên có hướng dẫn cụ thể về “chỗ ở” để làm cơ sở khởi tố trách nhiệm hình sự theo hướng xâm phạm chỗ ở là xâm phạm đến “nơi mà người đó có quyền sở hữu hoặc chiếm hữu, sử dụng hợp pháp, nhằm mục đích phục vụ các nhu cầu để ở, sinh hoạt của cá nhân và gia đình”.

3.5. Xử lý vi phạm hành vi xâm phạm quyền nhân thân, trong đó có quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật cá nhân nên bắt đầu từ hành vi, không chỉ căn cứ vào hậu quả

Hành vi xâm phạm quyền nhân thân có thể để lại những hậu quả về mặt tâm lý khó đo lường. Nhiều người bị người khác xâm phạm quyền đã lựa chọn im lặng, tự chịu đựng hoặc không biết cách thu thập chứng cứ để chứng minh, do vậy không có căn cứ để đề nghị cơ quan chức năng xử lý. Hoặc có những hành vi xâm phạm quyền được thể hiện tinh vi, chuyển thông tin riêng tư đến đúng đối tượng có tác động đến người bị xâm phạm, khiến cho công việc, đời sống của người này bị ảnh hưởng theo chiều hướng xấu. Vì vậy, việc nhận diện, kiểm soát và kịp thời xử lý để ngăn chặn từ hành vi như việc

phát tán, cung cấp thông tin (trực tiếp, gián tiếp hoặc thông qua trang mạng xã hội,...) là một trong những nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ toàn diện quyền con người.

Trong nhóm quyền nhân thân, quyền liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nằm trong số những quyền dễ bị xâm phạm nhất. Nguyên nhân chính xuất phát từ hiểu biết pháp luật của người dân và việc lượng hóa thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền nhân thân khó xác định hơn hành vi xâm phạm các nhóm quyền khác. Chính vì vậy, việc nhận diện, xây dựng cơ chế bảo vệ và bảo đảm các quyền trên cần được hoàn thiện trên cả phương diện luật tư, luật công./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Quế Anh (2009), “Luật dân sự trong hệ thống Luật công - Luật tư”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội - Luật học*, số 25.
2. Nguyễn Minh Tuấn (2012), “Phân định ranh giới giữa luật công và luật tư ở Đức: Lịch sử, tranh luận và ý nghĩa thực tiễn”, *Tạp chí Tia sáng*, <https://tiasang.com.vn/dien-dan/phan-dinh-ranh-gioi-giua-luat-cong-va-luat-tu-o-duc-lich-su-tranh-luan-va-y-nghia-thuc-tien-6024/>
3. Thu Hằng (2017), *Không tố giác tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, luật sư phải chịu trách nhiệm hình sự?*, <https://dangcong-san.vn/phap-luat/khong-to-giac-toi-pham-dac-biet-nghiem-trong-luat-su-phai-chiu-trach-nhiem-hinh-su-433942.html>
4. V. V. Thành, H. Điệp, Q. Thi, C. Khuê (2015), *Ứng xử với quyền riêng tư*, <https://tuoitre.vn/ung-xu-voi-quyen-rieng-tu-772617.htm>